

Bánh Su-Sê hay Bánh Phu-Thê ?

(2018 : có tham khảo thêm các Từ/Tự Điển xưa và sửa chữa lại bài viết năm 2011)

Nguyễn Vĩnh-Tráng

Vừa rồi tôi được một anh bạn gửi cho một tập hình về các món ăn ở Huế, hình chụp rất đẹp, rất hấp dẫn. Hình đầu tiên là Cơm Hến, với bốn câu thơ :

Đã nghe ớt đồ cay nồng,
Tìm trong vị Hến một dòng Hương xanh.
Ruốc thơm, cơm nguội, rau lành,
Mời anh buổi sáng chân thành món quê.

Thứ đến là bánh Bèo, bánh Nậm, bánh Bột-Lọc, và hình thứ năm là bánh « Phu-Thê » với bốn câu thơ :

Lá dứa ôm bột lọc trong,
Ngọt ngào thơm nhụy đậu xanh úng vàng.
Phu Thê vui chuyện xóm làng,
Mừng nhau tác hợp thiếp chàng hòa duyên.

Nhìn hình bốn cái bánh Su-Sê với hai chữ « Phu Thê » làm tôi ngạc nhiên, vì chưa từng nghe thấy ba chữ « bánh phu-thê » bao giờ.

Trước năm 1962, lúc tôi còn ở Việt Nam, còn ở Huế, tôi hân hạnh có liên hệ bà con với các Cụ Ứng-Bình, Ứng-Trình, Tôn-Thất Quảng, Hồ-Đắc Hàm... Các Cụ là những nhân sĩ thời bấy giờ ở Huế và cũng là những nhà văn học uyên thâm. Tôi được gặp các Cụ trong những dịp đi hầu thăm, đi dâng tuổi đầu năm, hay trong những dịp đi hầu kỵ. Thế mà tôi chưa bao giờ nghe được ba chữ « bánh Phu-Thê », ở tại chính gia đình tôi, ở ngoài thành phố, ở tại nhà của các Cụ, hay ở tại các nhà thờ họ... Và chẳng, người Huế, nói chung, phần đông hay có tánh « dài các », hề thấy một danh từ nào đẹp, âm thanh hay thì hay dùng đến, như trái Mãng-Cụt thì người Huế gọi là trái Giáng-Châu..., vậy nếu hai chữ « Su-Sê » là do hai chữ « Phu-Thê » mà ra, thì có lẽ tôi đã nghe qua...

Nói như thế, không có nghĩa là các Cụ hay những người Huế mà tôi đã gặp không biết hai chữ « Su-Sê » là do hai chữ « Phu-Thê » mà ra. Có lẽ họ biết mà không nói cho tôi nghe chăng ? Và tất nhiên, mấy hàng tôi trình trên, cũng không chứng minh gì, là hai chữ « Su-Sê » không do hai chữ « Phu-Thê » mà ra cả.

Bánh Su-Sê ở Huế, lúc bấy giờ, là một loại bánh rất thông thường, thường đi đôi với bánh Ít-Đen, làm bằng lá Gai. Ngày Tết, ngày Kỵ, thì không bao giờ thiếu hai món bánh này, cộng (cộng) với những loại bánh « In », làm bằng bột nếp, bột đậu xanh, bột bình tinh hay bằng bột sen tán... Bánh « In » được in bằng khuôn đồng có dấu chữ Thọ, gói bằng giấy dầu, đủ màu. Ăn rất ngon, rất thơm và trông rất đẹp mắt. Ngoài những ngày Tết, ngày Kỵ tại nhà, hay nếu có đi hầu thăm các Cụ, hay đi hầu Kỵ, thì khi nào, chúng tôi cũng được Cha, Mẹ, hay các Cụ Bà, các Cô, các Dì cho một gói bánh gồm có một ít bánh Su-Sê, bánh Ít-Đen và bánh In...

Tôi nói thế, để nói lên tính cách phổ thông, bình dân, đại chúng của bánh Su-Sê, nhất là ở Huế.

Mặt khác, bánh Su-Sê ở Huế và ở ngoài Bắc có thể khác nhau. Bánh Su-Sê ở Huế có màu trắng trong đục, gói bằng lá dứa, mặt có hình vuông, hay kiểu cách hơn, mặt là hình ngũ giác, chứ không có màu vàng ửng và gói bằng lá chuối, như ta thấy ở ngoài Bắc hay trong Nam.

Hiếu kỳ và muốn học hỏi thêm, tôi lên mạng Internet, gõ hai chữ « Su Sê » vào khung Google, thì ôi thôi, có hàng chục trang, có hàng trăm bài viết, mà có đến khoảng trên 95% đều nói bánh Su-Sê « **nguyên xưa là bánh " Phu thê ", một số địa phương nói chệch thành bánh " Su sê " ».**

Sự ngạc nhiên của tôi đi đến độ choáng váng. Thế rồi, từ giờ này qua giờ khác, tôi lo đọc những bài viết đó.

Nào là « Về tên gọi, thắng hoặc ở Huế cũng có người gọi là bánh su sê, đây có lẽ là cách gọi chệch âm theo thói quen thường gặp của người Huế, còn **đại bộ phận người Huế** vẫn gọi là bánh phu thê như đúng tên gọi vốn có của nó ». (vnnavi.com – Bánh Phu Thê -*Theo Văn hóa nghệ thuật ăn uống*) !

Nào là « bánh **phu thê** tượng trưng cho sự gắn bó giữa vợ chồng » ! « Bánh su sê hay còn gọi là bánh **phu thê**. Tên gọi này gắn liền với câu chuyện kể về vợ chồng người lái buôn thuở xưa. Chuyện kể rằng, trước lúc người chồng lên đường đi buôn ở phương xa, người vợ làm bánh tặng chồng và thề rằng cho dù xa nhau nhưng lòng nàng vẫn luôn ngọt ngào, đậm đà như bánh. Chồng cảm động đặt tên cho bánh là phu thê (tức bánh vợ chồng) (sic). Chẳng ngờ đến phương xa, người chồng bị say đắm bởi sắc đẹp của các cô gái lạ và không muốn quay về. Người vợ ở nhà biết tin liền làm bánh gửi cho chồng kèm theo lời nhắn :

"Từ ngày chàng bước xuống ghe

Sóng bao nhiêu đợt bánh phu thê rầu bấy nhiêu".

Nhận được bánh và lời nhắn của vợ, người chồng hối hận liền tức tốc quay về và không còn nghĩ đến chuyện thay lòng đổi dạ nữa. Từ đó bánh phu thê thường hay có mặt trong các tiệc cưới nhằm nhắn nhủ lời thủy chung đến các đôi vợ chồng trẻ » (Phó cổ Hội An – *Tin Tức, Văn Hóa Hội An, Ấn Thực*) !

Nào là « trong các lễ cưới có nhiều lễ vật, nhưng **không thể thiếu bánh Su sê** » (PhunuNet.com. *Thêm vào My Wikiphunu*) !

Có người còn dẫn chứng đến các vua, chúa, như « vua Lý Anh Tông đi đánh trận, người vợ ở nhà thương chồng vất vả đã tự tay vào bếp làm bánh gửi ra cho chồng. Vua ăn thấy ngon, nghĩ đến tình vợ chồng đã đặt tên bánh là bánh phu thê (sau này còn có tên gọi là **bánh xu xuê**) » (*Bánh Phu Thê – Lê Minh Hợi*) !

Có người còn nói đến cả Bà Ý-Lan : « Một lần hội làng, Lý Thánh Tông cùng vợ là Nguyên phi Ý Lan về quê lễ Lý Thái Tổ và Lý Thái Tông ở Đền Đô. Tại đây, dân làng đã dâng Đức vua và Nguyên Phi đặc sản của quê hương là bánh Su Sê. Đức vua và Nguyên Phi thưởng thức món bánh này và khen ngon. Người cho rằng, cuộc đời con người có được hạnh phúc là niềm vui lớn của mỗi lứa đôi, và truyền từ nay, ngày ăn hỏi, ngày cưới thành vợ thành chồng nên có món bánh quý này cho mọi người cùng hưởng. Cũng từ đó bánh Su Sê được gọi là bánh Phu Thê, buộc từng cặp bằng lạt điều và là **một trong những lễ vật không thể thiếu trong đám cưới hỏi**, bởi nó như một biểu tượng về lòng chung thủy, gắn bó sắt son của tình vợ chồng ». (Góc bếp - *Bánh phu thê Đình Bảng, sản vật tiến vua – không cho tên, họ tác giả*) !

Có người lại đưa Triết Lý vào cái bánh su sê : « Nhắc tới bánh phu thê, chắc đã không còn xa lạ đối với mỗi người Việt Nam, chiếc bánh vẫn thường xuất hiện trong mỗi dịp lễ tết, cưới hỏi. Bánh phu thê không chỉ là một trong những loại bánh truyền thống của Việt Nam mà còn hàm chứa trong đó **triết lý âm dương** của cả dân tộc... Tục truyền, tên gọi bánh phu thê là do sự tích vua Lý Anh Tông đi đánh trận, người vợ ở nhà thương chồng vất vả đã tự tay vào bếp làm bánh gửi ra cho chồng. Vua ăn thấy ngon, nghĩ đến tình vợ chồng đã đặt tên bánh là bánh phu thê. Cũng vì tên gọi ấy mà bánh phu thê (hay cũng còn gọi là xu xê) luôn được buộc thành cặp, biểu trưng cho sự gắn bó son sắt của tình chồng vợ » (Kêng14.vn - *Nguồn gốc tên gọi của chiếc bánh vợ-chồng*. Theo PLXH. Không cho nguyên họ, tên) !

Tựu trung, hàng trăm bài trên cũng chỉ dựa vào một câu của một tác giả đầu tiên là « **nguyên xưa là bánh " Phu thê ", một số địa phương nói chệch thành bánh " Su sê "** », và cũng sao đi, chép lại, mà không cho xuất xứ, không dẫn chứng một tài liệu văn học sử nào !

Rồi từ đó, các bài cứ thao thao bất tuyệt, tràn giang đại hải. Đem vào không biết bao là tưởng tượng, là thêu dệt, mà không cho một mảy may xuất xứ !

Để góp phần vào sự tìm kiếm sự thật, tôi xin chia mục này ra làm hai phần. Thật ra, lúc trước chỉ có phần này, nhưng khi định cho đăng lên các điện báo, thì có người lại đề cập tới « Ngôn Ngữ Học », và Giáo Sư Ngữ Học nổi tiếng Lê Ngọc Trụ, với cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* của Giáo Sư, nên tôi phải tìm tài liệu để khảo cứu thêm và để viết thêm phần thứ hai.

A - Phần 1.

Nếu bánh « Su-Sê » là do bánh « Phu-Thê » từ xưa mà ra, thì trong các tác phẩm văn học, các từ/từ điển xưa hay các từ/từ điển chữ Nôm phải đề cập tới ba chữ « bánh Phu-Thê ».

I – Trong Văn Học dân gian, ba chữ « bánh Su-Sê » có trước hay có sau ba chữ « bánh Phu-Thê » ?

Trong phần này, tôi không tìm nguồn gốc của hai chữ « Su Sê », mà đơn giản hơn nhiều : Trong Văn Học dân gian, ba chữ « bánh Su-Sê » có trước hay có sau ba chữ « bánh Phu-Thê » ?

Nếu ba chữ « bánh Phu-Thê » có trước ba chữ « bánh Su-Sê » trong dân gian, thì có thể là hai chữ « Su-Sê » do hai chữ « Phu-Thê » mà ra. Nhưng chưa chắc, vì sau khi có loại bánh Phu-Thê, dân ta có thể đặt thêm loại bánh Su-Sê, khác với bánh Phu-Thê. Trong trường hợp này, chuyện hai chữ « Su-Sê » do hai chữ « Phu-Thê » mà ra, chỉ thực hiện được khoảng 50% mà thôi.

Nếu ba chữ « bánh Phu-Thê » có sau ba chữ « bánh Su-Sê » trong dân gian, thì chắc chắn hai chữ « Su-Sê » không do hai chữ « Phu-Thê » mà ra.

Ta thử tìm kiếm trong Văn Học dân gian.

Nếu bánh Su Sê là do bánh Phu-Thê mà ra, và tượng trưng cho việc hôn nhân, thì ta đã thấy ba chữ « bánh phu-thê » trong các Ca Dao, Tục Ngữ. Tôi đã rà cuốn *Tục Ngữ Phong Dao* của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (Mặc Lâm Xuất Bản. Yễm Yễm Thư Quán. 1967 – Sài Gòn), mà không tìm thấy ba chữ « bánh phu thê », chứ đừng nói gì về chuyện « **không thể thiếu** » bánh

« phu thê » (su sê, sô sê, xu xê, xu xuê) trong những lễ cưới hỏi, như **Trầu, Cau** mà ta thấy hàng loạt trong các câu Cao Dao, Tục Ngữ, trong các tác phẩm văn học sử, hay trong các lễ *Tơ Hồng Nguyệt Lão*, lễ *Hợp Cấn* với « hoa quả, bình trà, **12 miếng cau, 12 miếng trầu**, một be rượu, hai chén nhỏ, đĩa gừng, đèn hương... » (*Việt Nam Phong Tục*. Phan Kế Bính. Nhà Xuất Bản Thành Phố Hồ Chí Minh, 1995 hay *Một số Phong Tục Nghi Lễ Dân Gian Truyền Thống Việt Nam*. Quảng Tuệ. Nhà Xuất Bản Văn Hóa dân Tộc, Hà Nội, 2004).

Lúc còn ở Huế, tôi có dự vài lễ cưới. **Có những « đám cưới » không có bánh Su-Sê**, như các tác giả đã khẳng định trên.

II - Các Từ/Tự Điển xưa.

1) Tự Điển *Annamiticum Lusitanum et Latinum* OPE của Alexandro de Rhodes, Rome 1651.

Trong cuốn tự điển này không có ba chữ « Bánh Su-Sê » và ba chữ « Bánh Phu-Thê », và cũng không có các chữ « Su-Sê » và « Phu-Thê ».

Có những chữ sau đây :

- « **Phu** » được dịch là « Maritus » (chồng), thành ngữ « Trượng Phu » được dịch là « Homem robustus » (người tráng kiện), « Phu » dịch là « Moço hay Moça » (thanh niên hay thiếu nữ), « Kieù Phu » (sic) dịch là « Lignorum venditor » (người bán gỗ), « Xou Phu » (sic) dịch là « agricola » (nông dân) [trang 604].
- « **Sê** » với thành ngữ « Sê cơm » dịch là « Vide » (vo gạo) [trang 684].
- « **Sô**, coi sô sộ » dịch là « inspicere ex proximo loco » (nhìn gần) [trang 690].
- « **Su** » với thành ngữ « Su Si » dịch là « Asper » (sần sùi), « Su Gia hay Suigia (sic) » dịch là « Socer, Socrus » (ông nhạc, bà nhạc / cha vợ hay chồng, mẹ vợ hay chồng) [trang 698].
- « **Thê** » dịch là « Uxor » (vợ) [trang 753].

2 – Tự Điển *Anamitico (sic) -Latinum* de Jean-Louis Taberd. J.C Marshman, 1838 (viết tay, có cho chữ Nôm), và Ninh Phú, 1877 (In, không có chữ Nôm).

Trong cuốn tự điển này có ba chữ « Bánh Sô-Sê », nhưng không có ba chữ « Bánh Phu-Thê » !

Có các chữ sau đây :

- « **Phu 夫** » dịch là « Maritus » (chồng) và vài thành ngữ như « Phu Thê 夫妻 » dịch là « Coniuge » (vợ chồng), « Phu Phụ » (id) (sic)... [trang 410].
- Không có chữ « **Sê** ».
- « **Sô** » với ba chữ « **Bánh Sô Sê** » dịch là « Genus Placentæ » (bánh gia đình) [trang 412] (Nhà Xuất Bản Ninh Phú, Ex Typis Missionis Tunquini Occidentalis, 1877. Không có chữ Nôm).
- « **Su 櫟** » với thành ngữ « Su Si » dịch là « Rudis » (thô, thô lậu), « Cây Su » dịch là (chữ mờ không đọc được, có lẽ là cây Su trong đầm) [trang 471].
- « **Thê 妻** » dịch là « Uxor » (vợ) với vài thành ngữ « Phu Thê » dịch là « Conjuges » (vợ chồng), « Thê Noa » dịch là « Uxor et Filii » (vợ và con), « Thê Tử » cũng dịch là « Uxor et Filii », « Thê Hiền » dịch là « Uxor Fidelis » (vợ trung thành), « Thê Thiếp » dịch là « Uxor et Concubina » (vợ và vợ hầu/thiếp) [trang 516].

3 – Tự Điển *Đại Nam Quốc Âm Tự Vi* de Huỳnh Tịnh Của. Imprimerie Rey, Curisol & Cie, Saigon 1895.

Trong cuốn tự điển này, không có ba chữ « Bánh Su-Sê » hay « Bánh Phu-Thê ».

- Có chữ « **Phu** 夫 » : *chồng ; tiếng xưng hô người lớn tuổi chẳng kì sang hèn. Có và thành ngữ như « Trương Phu » : người lớn, người tai mắt ; « Đại Phu » : tước quan lớn ; Tiều Phu » ; « Nông phu » ; « Dân Phu » ; ... ; « Trạo Phu » : trai chèo ; « Thôn Phu » ; « Thất Phu » ; « Thất Phu - Thất Phụ » ; ... ; « Phu Tử » ; « Phu Quân » ; Phu Nhân » ; « Phu Thê 夫妻 » : *vợ chồng ; « Phu Phụ » : id. [trang 819].**

- Không có chữ « **Sê** ».

- Có chữ « **Sô** 縐 » : *hàng dệt bông hoa, có thứ dày thứ mỏng. [trang 913].*

- Có chữ « **Su** 櫛 » : *cây rừng sác, giống cây ổi... [trang 923].*

- Có các chữ « **Thê** 妻 » : *vợ ; « Thê 悽 » : buồn ; ... [trang 995].*

4 - Tự Điển *Annamite-Français* của J.F.M. Génibrel. NXB : Imprimerie de la Mission à Tân Định (Tái bản lần thứ 2), Sài Gòn, 1898.

Trong cuốn Tự Điển này không có ba chữ « Bánh Su-Sê » hay « Bánh Phu-Thê ».

- Có chữ « **Phu** 夫 » : *chồng ; với nhiều thành ngữ như « Phu Thê 夫妻 » : *vợ chồng... [trang 615].**

- Không có chữ « **Sê** ».

- Có chữ « **Sô** 縐 » : *nhieu ; « Sô 鷓 » : loài ăn cỏ ; « Sô 莠 » : rom ; « Sô 雛 » : chim con [còn nhỏ], [trang 701].*

- Có chữ « **Su** 櫛 », với các thành ngữ « Su Si » : *thô tục, cầu thả ;... ; « Cây Su » : cây... [trang 706].*

- Có chữ « **Thê** 妻 » : *vợ ; cùng vài thành ngữ xung quanh chữ « Thê » [trang 825].*

5 - Tự Điển *Annamite-Français* của Jean Bonet, NXB Imprimerie Nationale, Paris 1899.

Trong cuốn Tự Điển này không có ba chữ « Bánh Su-Sê » hay « Bánh Phu-Thê ».

- Có chữ « **Phu** 夫 » : *chồng ; người làm việc,... ; « Phu Phụ 夫婦 » et « Phu Thê 夫妻 » : *vợ chồng ; cùng nhiều thành ngữ khác không thuộc về bài viết này [trang 130, t ập 2].**

- Không có chữ « **Sê** ».

- Có chữ « **Sô** 鷓 » : *cây khô, rom.. ; « Sô 莠 » : tre đan... ; « Sô 騮 » : loại chim phi thường ; « Sô 縐 » : lụa, nhieu. [trang 212, tập 2].*

- Có chữ « **Su** » : *tên cây, cái cộc. [trang 220, tập 2].*

- Có chữ « **Thê** » : *gái có chồng, vợ ; có thêm vài chữ « Thê » như « Thê 悽 » : *buồn rầu ; « Thê 淒 » : lạnh lẽo ; ... [trang 272, tập 2].**

6- Tự Điển *Annamite-Chinois-Français* của Gustave Hue. NXB Imprimerie Trung Hoà, 1937 (trước 1975 đến 39 năm).

Trong cuốn Tự Điển này có ba chữ « Bánh Sô-Sê » (gâteau) [trang 843], nhưng không có ba chữ « Bánh Phu-Thê ».

Vậy trong các Tự Điển xưa (Taberd 1877 và Gustave Hue 1937) ta thấy có ba chữ « Bánh Sô-Sê », nhưng không có ba chữ « Bánh Phu-Thê ».

Có lẽ hai chữ « **Sô-Sê** » được người Huế xưa (trước năm 1975) sửa lại thành « **Su-Sê** » cho dễ nghe.

III – Các Tự/Từ Điển ngày nay (sau năm 1975).

1) *Từ Điển Chữ Nôm Trích Dẫn* – TĐCNTD. NXB Viện Việt Học. USA 2009. [Hiện nay, 2018, tôi có cuốn này].

Tôi có nhờ anh bạn, ở Garden Grove, California, Mỹ, đến thư viện giúp tôi tra hai chữ « Sê ; Su » trong cuốn *Từ Điển Chữ Nôm Trích Dẫn* - TĐCNTD (Viện Việt Học), hầu mong tìm được hai chữ « Su Sê » và hai chữ này là do hai chữ « Phu Thê » mà ra, cùng những câu trích dẫn những chữ này trong các tác phẩm văn học sử, nhưng rùi thay, anh đã cho biết « Đã xem kỹ các trang trong, **không tìm thấy hai chữ "su, sê" tách rời hay liền chữ kép "su sê" hay bánh su sê, bánh phu thê**, mà chỉ có hai chữ phu , thê ».

[Phụ thêm (2018)] :

- Có chữ « **Phu** 夫 » [trang 1010].
- Không có chữ « **Sê** ».
- Có chữ « **Sô** 縐, 蓊 » [trang 1126].
- Có chữ « **Thê** 妻, 淒, 淒 » [trang 1271].

2) Cựu Nghiên Cứu viên chữ Nôm, tại Đại Học Sorbonne, Paris.

Tôi cũng có nhờ một chuyên gia về chữ Nôm, làm việc tại ĐH Sorbonne, Pháp, tìm giúp trong các Từ/Tự Điển chữ Nôm bốn chữ « Sê ; Su ; Phu ; Thê », thì ông ta cho biết « Bánh su sê phải có từ lâu đời thì may ra mới có trong sách cổ (dù là văn chương hay từ điển). Tui có thử tìm thì không thấy từ điển cổ đề cập tới loại bánh này ».

Hay « Tự Điển của Trương Đình Tín và Lê Quý Nguru gồm 2 tập: tập 1 sắp xếp theo ABC (2643 tr.); tập 2 theo bộ thủ và số nét (2756 tr.). [*Đại Tự Điển Chữ Nôm*, của Trương Đình Tín, Lê Quý Nguru – ĐTĐCNTĐTLQN (Nhà Xuất Bản Thuận Hóa. Công ty Văn Hóa Hương Trang. Huế. 2007)].

Về "Su sê" thì:

* tập1: "phu thê" hoặc "su sê"

- không có ở mục từ "phu" (tr 1683), "su" (tr. 1924-1925), "thê" (tr. 2118).

- **có ở mục từ "sê"** (tr. 1888)

* tập2: "phu thê" hoặc "su sê"

- không có ở mục từ "夫 phu" (tr 541-542).

- **có ở mục từ "妻 thê-sê"** (tr. 559)

Định nghĩa ở tập 1 và tập 2 (sê/妻) giống y nhau.

Gửi Bác ảnh chụp trang 559 của tập 2.

Ngoài ra đó là giải thích không có dẫn xuất xứ cho hai chữ "夫 妻" đọc "su sê". Tất cả cũng là do hai tác giả kết luận mà thôi.

Hy vọng Bác có thể tham khảo được. ».

Sau đây là trang 559 của cuốn *Đại Tự Điển Chữ Nôm*, của Trương Đình Tín, Lê Quý Nguru – mà ông ta đã cho :

a) **SÊ**妻

N : Đọc trại âm « thê » (phương ngữ Huế), chỉ dùng trong cụm từ 夫妻 *Su sê = phu thê*,

餠 夫妻 *Bánh su sê* : tên một loại bánh thông dụng ở Thừa Thiên Huế, bên ngoài có khuôn bằng lá dừa bẻ vuông đập úp lên nhau, bên trong là bột lọc trộn lẫn dừa và đường rồi cháo lên, nhụy làm bằng nhân đậu xanh xay nhuyễn. Bánh dùng trong việc cúng, kỵ, cưới hỏi.

b) **TÊ**

N : Kia, ấy. ...

c) **THÊ**

H : Vợ cả, vợ chính. ...

餠

Rõ ràng trong ba chữ 餠 夫妻 của cuốn *Tự Điển* trên, có một chữ Nôm, gồm chữ Thực 食 và chữ Bính 丙 ghép lại được đọc là Bánh, với hai chữ Hán Phu 夫 Thê 妻 cả ba chữ được đọc là Bánh Su Sê. Còn nói « đọc trại âm “thê” », thì phải đọc trại « âm “phu” », có sao trong từ « Phu » lại không nói đến âm « Su » ? Vậy ba chữ 餠 夫妻 có hai cách đọc Bánh Phu Thê hay Bánh Su Sê (theo các tác giả là phương ngữ Huế).

Vậy hai tác giả trên đã bị chi phối bởi những bài mà ta đã thấy trên các trang mạng, hay bởi cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* (tác giả Lê Ngọc Trụ), và ông chuyên gia chữ Nôm ở Paris, đã góp ý : « Ngoài ra đó là giải thích không có dẫn xuất xú cho hai chữ “夫妻” đọc “su sê”. Tất cả cũng là do hai tác giả kết luận mà thôi ».

Ông cũng có nhã ý cho tôi một khâu trên mạng chữ Hán, khi gõ ba chữ « 夫妻餅 » (phu thê bính) vào khung Google, thì được trang « wretch/blog/claيرهsiao », và có « 夫妻餅. 這是越南有名夫妻餅 » (Banh Phu The) (Đọc âm : Phu Thê bính. Giá thị Việt Nam hữu danh Phu Thê bính. Dịch : Bánh Phu Thê. Đây là bánh Phu Thê có tiếng của Việt Nam) (sau hàng chữ Hán có chua thêm trong vòng ngoặc đơn ba chữ « Banh Phu The » bằng chữ Việt không dấu). Ở dưới câu có hình chiếc bánh Su-Sê với cái nắp hình ngũ giác. Dưới đó nữa là mấy hàng chữ Hán nói đến nguyên liệu của bánh...

Ông ta cũng kết luận : « Tuy thế không có thông tin gì cụ thể cho thấy dịch hay tiếng Hán của “su sê” là “phu thê” ».

Như thế trang mạng nầy cũng bị chi phối bởi những bài bằng tiếng Việt tìm thấy trên Internet, như đã trình trên, hay do những người Việt đã cho rằng hai chữ « Su-Sê » là do hai chữ « Phu-Thê », rồi mách cho.

3) *Đại Từ Điển Tiếng Việt* – ĐTDĐT. Hà Nội 1999.

Tôi tìm trong *Đại Từ Điển Tiếng Việt* – ĐTDĐT. Chủ biên : Nguyễn Như Ý. (Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, Trung Tâm Ngôn Ngữ và Văn Hóa Việt Nam. Nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin. Hà Nội, 1999), thì thấy :

Trang 104,

bánh phu thê dt Bánh đặc sản của người Huế, cắt thành miếng, màu trắng trong, ba lớp, giữa màu vàng, mềm dẻo, béo, ngọt, mát, làm bằng bột sắn lọc bỏ khuôn hấp chín.

Trang 1464,

dt **su sê** Bánh làm bằng bột nếp lọc, trong và quánh, màu hổ phách, có nhân bên trong.

Cuốn Từ Điển nầy cho cả hai loại bánh : « Bánh Phu-Thê » và « Bánh Su-Sê ».

4) *Từ Điển Việt Pháp* – TĐVP của Lê Khả Kế.

Trong *Từ Điển Việt Pháp* – TĐVP - của Lê Khả Kế, Nguyễn Lân. (Nhà Xuất Bản Thành Phố Hồ Chí Minh, 2001), cho :

Trang 783,

phu thê (cũ) entre mari et femme; conjugal. (giữa vợ chồng với nhau ; thuộc về chuyện vợ chồng).

Trang 870,

su sê gâteau de pâte de riz couleur d'ambre. (bánh bột gạo có màu hồ phách).

Có hai chữ « Su-Sê » (bánh), nhưng không có ba chữ « bánh phu thê » trong cuốn Từ Điển này.

5) *Tự Điển Chữ Nôm* của Vũ Văn Kính.

Trong *Đại Tự Điển Chữ Nôm* của Vũ Văn Kính – ĐTDNCNVK. (Nhà Xuất Bản Văn Nghệ TP. Hồ Chí Minh. Trung tâm nghiên cứu Quốc Học, 1999), cho :

a) Trang 60, 61,

BÁNH 擗 ÂHV (âm hán việt) 擗. Có tất cả 14 chữ, và với chú thích ở một bên như sau :
« Vó câu khắp khênh BÁNH xe gập ghềng (KVK) (Kim Vân Kiều), BÁNH đa, BÁNH lái, BÁNH kẹo, BÁNH mút, BÁNH dẻo, BÁNH chung, BÁNH lá, BÁNH hỏi, BÁNH ít, BÁNH ngọt, BÁNH xe, BÁNH không nhân, cho ăn BÁNH vẽ, BÁNH tày, BÁNH dày, BÁNH phồng ».

Ở từ Bánh này, có tất cả 14 chữ Nôm dưới dạng Hải Thanh (HT), như :

擗 HT Xa 車 + Tinh 并 ; 擗 HT Phiến 片 + Bính 丙 ; 擗 HT Mễ 米 + Bính 丙 ; 擗 HT Xa 車 + Bính 丙...

Không có ba chữ « bánh Su Sê » cùng ba chữ « bánh Phu Thê » trong mục từ « BÁNH » này.

b) Trang 1082,

PHU 夫伏 ÂHV 孚 玦 枹 砮 袂 袂 跌 鈇 躡 麤 敷 膚 廊. Và ghi chú :

Hãy xin báo đáp ân tình cho PHU (KVK), Ai chẳng khen là đức PHU nhân (GHC) (Gia Huân Ca), Cong PHU, Đi PHU, Mướn PHU xây nhà.

拊GT (giả tá) ÂHV Phụ 拊

Không có ba chữ « bánh Su Sê » cùng ba chữ « bánh Phu Thê » trong mục từ « PHU » này.

c) Trang 1349,

THÊ (Chữ Nữ 女 trong bộ Hộ 戶) ÂHV 妻 梯 悽 悽. Và ghi chú :

Buổi tiễn đưa lòng bịn THÊ noa (CPN) (Chinh Phụ Ngâm), THÊ lương, THÊ thăm, Phu THÊ, Lê THÊ.

Không có ba chữ « bánh Su Sê » cùng ba chữ « bánh Phu Thê » trong mục từ « THÊ » này.

d) Trang 1215,

SÊ (Không viết được chữ Si này), 棲 GT ÂHV Si, Thê. Và cho ghi chú :

Bánh Su SÊ, Nước SÊ Si Ri A, Thành SÊ Sa Ri A, SÊ Nô Ca, Phi li SÊ (M.) (Majorica).

棲 HT Thủ 才 + Thê 妻

槎 GT ÂHV Tra (Mộc + Sai)

足車 HT Túc 足 + Xa 車 (máy của tôi không viết chữ Nôm này được, đành phải viết thành hai chữ).

木師 HT Mộc 木 + Sư 師 (máy của tôi không viết chữ Nôm này được, đành phải viết thành hai chữ).

Có ba chữ « bánh Su-Sê » trong mục từ « SÊ » này.

e) Trang 1228-1229

SÔ ÂHV 芻

芻 HT (Thảo + Sô)

縗 GT Âm Trúu (Mịch + Sô)

....

Không có ba chữ « Bánh Sô-Sê » trong mục từ « SÔ » này.

f) Trang 1237,

SU 秋收 GT ÂHV Thu

Củ SU hào, Cây SU, Cao SU, **Bánh SU SÊ**, Đất SU Du Ma, Đức Chúa Giê SU sinh thì trên cây Thánh giá.

樞趨 GT ÂHV Xu

芻 HT Thảo ** + Sô 芻

ㄅ秋 HT P.hiệu ㄅ + Thu 秋 (máy của tôi không viết chữ Nôm này được, đành phải viết thành hai chữ).

櫛 HT Mộc 木 + Sô 芻

芻 GT Sô (viết đơn) (máy của tôi không viết chữ Nôm này được, chữ này gồm một nửa chữ Sô ở trên, ở dưới là dấu nháy).

Có ba chữ « bánh Su-Sê » trong mục từ « SU » này.

Trong cuốn Tự Điển này có ba chữ « Bánh Su-Sê », nhưng không có ba chữ « Bánh Phu-Thê ».

Vậy hai Từ Điển ĐĐTĐTV và TĐVP có cho ba chữ « bánh Su-Sê », và Tự Điển ĐTĐCNAVVK cũng cho ba chữ « bánh Su-Sê » ở các từ « Sê », « Su » và còn cho cả chữ Nôm của hai chữ « Su ; Sê », cùng cho dẫn chứng (tuy không cho tác phẩm văn học sử nào) ở các trang 1212 và 1237. Ta thấy hàng hoàng ba chữ Nôm « bánh 糲 », « Su 櫛 », « Sê 摺 ».

Cũng nên nhớ ba tác giả Nguyễn Như Ý (cùng với ban Biên Tập là Nguyễn Văn Khang, Vũ Quang Hào, Phan Xuân Thành), Lê Khả Kế (cùng với Nguyễn Lân) và Vũ Văn Kính là ba nhà uyên bác đã làm Từ Điển lâu năm, và đã có tiếng tăm trong giới văn học, trước năm 1975.

Điều này cho ta thấy : Ca Dao, Tục Ngữ, Phong Tục, Lễ Nghi xưa trong dân gian, không đề cập đến loại « bánh Phu-Thê » trong các lễ cưới hỏi ; các Từ/Tự Điển chữ Nôm xưa, có đề cập đến ba chữ « bánh Sô/Su-Sê », còn các Từ/Tự Điển chữ Nôm mới đây, hoặc không đề cập đến ba chữ « bánh Phu-Thê », hay nếu có như ĐTĐCNTĐTLQN mà không cho dẫn chứng (bị chi phối bởi các bài trên các trang mạng Internet hay bởi cuốn *Việt Ngữ Chánh Tà Tự Vị*, xem Phần 2).

Vậy rõ ràng trong dân gian, ba chữ « Bánh Su-Sê » có trước ba chữ « bánh phu-thê » và như thế « Bánh Su-Sê » không do « bánh phu-thê » mà ra, như một số người ngày nay đã khẳng định và cho là « đọc trại âm ».

Rất có thể là ở miền Bắc có loại « bánh Phu Thê », nghe đâu ở làng Đình Bảng, Bắc Ninh, nhưng hai loại bánh không giống nhau và hai tên cũng không giống nhau và cũng chỉ có tiếng trong vùng, chứ không cả nước. Hai chữ « Phu Thê » là hai chữ Hán, còn hai chữ « Su Sê » là hai chữ Việt (tên Việt), không dính dáng gì với chữ Hán, như GS. Lê Ngọc Trụ khẳng định ! Những sự lầm lẫn trên rất có thể bị cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* của GS. Lê Ngọc Trụ chi phối !

Cũng vì, trước khi cho đăng phần 1, có người đã đề cập tới cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* của nhà Ngữ Học nổi tiếng Lê Ngọc Trụ, nên tôi đã viết thêm phần 2.

Chúng ta hãy khảo sát cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* của GS. Lê Ngọc Trụ.

B - Phần 2.

Ngữ Học với cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* của GS. Lê Ngọc Trụ. [hiện giờ, năm 2018, tôi đã có cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị*].

Tôi đã từng nghe tiếng GS. Lê Ngọc Trụ, nhưng cũng vì xa Việt Nam quá lâu (từ 1962 đến bây giờ), nên tôi không biết nhiều về các tác phẩm của GS. Lê Ngọc Trụ. Có chăng, là tôi có đọc *Cách Phiên Thiết* của GS. Lê Ngọc Trụ trên Internet mà tôi rất khâm phục. Khó ai mà phân bác được giá trị của những công trình khảo cứu của GS. Lê Ngọc Trụ đối với văn học nước nhà. GS Lê Ngọc Trụ đã đào tạo rất nhiều Cử Nhân Văn Chương có tiếng tăm ở trong và ngoài nước. Một số các vị Cử Nhân này, nay đã có bằng Tiến Sĩ Văn Chương và đã giảng dạy tại các Đại Học khắp năm châu.

Mặc dù với tấm lòng ngưỡng mộ của tôi đối với GS. Lê Ngọc Trụ, nhưng mấy chữ « **Bánh su-sê hoặc sô-sê do tiếng “phu thê bính” đọc trại** » chưa thuyết phục tôi. Vả chăng, có thể GS. Lê Ngọc Trụ, vì đã biết ba chữ « Phu-Thê Bính » (loại bánh này do Tàu đặt ra, chứ không phải loại bánh « Phu Thê » của Đình Bảng, nếu có), nên mới có xu hướng cho « bánh Su-Sê » là do « Phu-Thê Bính » mà ra chăng ? Nên tôi đã vất vả tìm kiếm hai cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* và *Tầm Nguyên Từ Điển Việt Nam* của giáo sư, từ Mỹ đến Việt Nam, để tìm hiểu cách giải thích của giáo sư, nhưng đến bây giờ cũng chưa có được [Hiện giờ năm 2018, tôi đã có cuốn *Chánh Tả Tự Vị* của GS. Lê Ngọc Trụ, NXB Thanh Tân, Sài Gòn, 1959, và cuốn *Tầm Nguyên Từ Điển* của GS. Bửu-Kế, NXB Nam Cường, 1955 (không cho thành phố xuất bản)].

Trong cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* (NXB Thanh Tân, Sài Gòn, 1959), Giáo Sư Lê Ngọc Trụ cho [Phụ thêm năm 2018] :

- Không có chữ « **Phu** ».

- « **Sê** » [trang 407]

1- Sê (n). **bánh sô-sê, su-sê do tiếng « phu –thê bính (sic) » (bính ?) đọc trại**. (dấu n có nghĩa là tiếng Nôm).

2 – Sê (tđ) sum sê. (dấu tđ có nghĩa là tiếng đôi hoặc tiếng đệm).

- « **Sô** » [trang 422]

1- Sô (n) ∞ sô < thô (bố) 粗, thứ vải dệt thô và thưa : sô gai. **bánh sô-sê, cũng gọi su-sê**. (dấu ∞ có nghĩa là đối lẫn nhau, có liên hệ với nhau).

2 - Sô (h) 髒, cở cho thú ăn ; cở khô ; quê mùa... (dấu (h) có nghĩa là âm Hán Việt).

3 – Sô 縐 (đúng âm trứ) > châu (sá), hang dệt có nổi hột... (dấu > có nghĩa là tiếng Hán Việt cho ra tiếng Nôm).

4 – Sô 騮, đúng âm trư, người canh gác; người kỵ sĩ hộ vệ.

- « **Su** » [trang 427]

1- Su (n). tên loại cây : cây **Su** ; củi **Su**.

2 - Su. thô tục ; ngu si : **Su** si ; **Su** sơ.

3 – Su. cút **Su** < sơ 初, (dấu < có nghĩa là do chữ Sơ mà ra), con nít mới sanh tiêu ra lần đầu, cút đen và dẻo : đời ông Nhạc ỉa cút su = lâu đời quá.

4 – Su. **bánh su-sê hoặc sô-sê do tiếng « phu thê bình (sic) (bính ?) » đọc trại.**

5 - phiên âm : *su-hào* (chou rave) ; *cao-su* (caoutchouc).

- Không có chữ « **Thê** ».

Thật sự như đã trình, lúc đầu tôi không đi tìm nguồn gốc hai chữ « Su Sê », vì tìm làm gì ? Có thể Ông Bà, Tổ Tiên chúng ta khi tạo ra loại bánh đó rồi tùy tiện (arbitrairement / arbitrarily) gọi là « bánh Su-Sê » thì sao ?

Khi ta đặt tên cho một sự vật, thì thường ta có ba ý :

- Đặt tên một cách tùy tiện. Cái đó là tên A, và hết.

- Đặt tên có dụng ý, như « bánh da lợn » vì loại bánh này giống « thịt heo (lợn) ba chỉ » (?).

- Lấy tên của ngoại quốc đặt, rồi ta đọc trại ra, như « bu gi ; bu ri » (bougie = nến điện đánh lửa), hay « bánh Trung-Thu » (Trung Thu Nguyệt Bính 中秋月餅).

Vậy không chắc gì hai chữ « Su Sê » do người ngoại quốc đặt, mà phải đi tìm kiếm nguồn gốc chữ ngoại quốc. Nhưng GS. Lê Ngọc Trụ đã cho trong cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị*, nên tôi phải tìm hiểu cách giải thích của giáo sư.

Trong cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị*, GS. Lê Ngọc Trụ cho biết là chỉ chuyên khảo cứu các chữ Hán-Việt. Vậy nếu hai chữ « Su-Sê » là tên đặt tùy tiện, hay do gốc của các thứ tiếng khác (không phải chữ Hán), như hai chữ « Sa-Kê » trong cây Sa-Kê là do chữ Thái « saké (สะเก) » (đọc là xa kê) mà ra, thì sao ? Lúc trước, ở nhà tôi, tại Huế, có trồng một cây Sa-Kê. Trái như trái Mít, nhưng tròn và nhỏ hơn trái Mít nhiều. Chúng tôi chỉ lấy hột, luộc lên mà ăn, rất ngon (xem thailande culture et tradition, trên mạng).

Sau đây là trích một phần lời Tựa đó :

« *Vả lại, về tự-nguyên, chúng tôi chỉ chú-trọng phần lớn vào tiếng Hán-Việt, dựa nơi âm, nghĩa của nó mà truy-khảo; những tiếng Việt chuyển gốc hoặc tương-đương với mấy tiếng Mường, Chăm, Đông-bào Thượng...hoặc tiếng các xứ láng-diềng, tiếng Thái, tiếng Môn-Miền, tiếng Mã-lai...vì thiếu tài-liệu đích-xác, nên không xét đến. Vì vậy, trong quyển này, riêng chúng tôi cũng tự thấy còn khuyết-diểm sai-lầm. Nhưng vì nhiệt-tâm với tiền-đồ ngôn-ngữ văn-tự nước nhà, chúng tôi mạo-muội cho xuất-bản, dám mong được quý ngài phủ-chánh và chỉ-giáo cho, để cùng đi lần đến sự thống-nhứt chánh-tả. »*

Nếu tôi không lầm, thì GS. Lê Ngọc Trụ hầu như cho phần đông tiếng Việt là do tiếng Tàu mà ra (khoảng 90 %). Mặt khác, cũng do chuyện đi tìm tài liệu của GS. Lê Ngọc Trụ, tình cờ tôi được biết Bác Sĩ Nguyễn Hy Vọng và đã được bác sĩ cho tôi khoảng 25 bài viết của bác sĩ.

Bác Sĩ Nguyễn Hy Vọng, ngoài việc hành nghề Y Khoa, còn khảo cứu thêm nguồn gốc tiếng Việt trên 30 năm (từ năm 1981). Bác Sĩ đã cho ra cuốn *Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt* dưới dạng 10 CD và dưới dạng in trên giấy khoảng trên 2 000 trang (in năm 2012), gồm khoảng 275 000 thí dụ về đồng nguyên của 58 tiếng nói ở Đông Nam Á, dùng làm chỗ dựa cho khoảng 27 400 tiếng Việt (từ đơn, kép, ghép ba, ghép bốn). [Hiện giờ, năm 2018, tôi đã có 3 cuốn *Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt*].

Chúng ta hãy nghe BS. Nguyễn Hy Vọng.

Trích bài *Những cái bất ngờ lý thú trong khi tìm hiểu tiếng Việt và nguồn gốc Nam-Á*. BS. Nguyễn Hy Vọng :

« Ông Lê ngọc Trụ, cách đây 40 năm, nhìn đâu cũng thấy tiếng Tàu, nên đã gượng ép gán cho rất nhiều tiếng Việt, từ Việt những cái **âm hưởng đồng nguyên giả tạo** [false cognatic inferences] với tiếng Tàu hay âm Hán Việt, mà không hề đưa ra bằng chứng có thật về đồng nguyên với các ngôn ngữ khác ở Đông nam Á :

chỉ 紙 sinh ra [sic] *giấy*
tranh 爭 sinh ra *giành*
chủng 種 sinh ra *giống*
chính 正 sinh ra *giêng* [sic] / chính nguyệt là tháng giêng !
khang 腔 sinh ra *xương*
cấp 急 sinh ra *gấp*
cương 綱 sinh ra *giềng* [- môi]
tiết 節 sinh ra *Tết*
tải 載 [chuyên chở] sinh ra *chài* [ghe chài] [?!]

Ta hãy xem dưới đây nguồn gốc [cognates] thật sự của các tiếng trên :

GIẤY [paper / papier]

Mường : k-chấy

Burma : s-giueý

[nếu bảo là âm này là Tàu thì tại sao người Mường và Burma còn phát âm giống Việt hơn nhiều ?]

GIÀNH [to dispute, compete, vie for, to accaparate, take away from,] [se disputer, entrer en compétition, s'emparer de].

Mường : chèngh, chèng

Nùng : cheng = tranh giành

Thái : pr-chành

giềng chjing = giành nhau

Mon : k-giành

Khmer : pr-chèng

chèng

kòn-nhèng

tròn-chèng

Indonesia : saing = giành giựt

[nếu bảo là do chữ tranh của Tàu mà ra thì tại sao không nói là *cạnh giành*, *giành thủ*, *giành chấp*, *chiến giành*! Mà lại nói là *cạnh tranh*, *tranh thủ*, *tranh chấp*, *chiến tranh* ?].

GIÓNG [species, gender, race] [espèce, genre, race]

Hmong : t-zóng

Thái : kh-yong (âm : kh-gióng)

GIÊNG (tháng giêng) [first month of the lunar calendar][premier mois lunaire] không phải là do chữ chính mà ra, vì nguồn gốc và nghĩa nó khác hẳn !

Thái : chiêng, kiêng

đươn *chiêng* = tháng giêng

đươn *kiêng* = tháng giêng

Nùng : chiêng

hươn *chiêng* = tháng giêng

Lào : đươn giêng = tháng giêng

Burma : a-yiêng [*đầu tiên, trước hết*]

Pali/Sanscrit : yir [id]

Chàm : bulăn đhia = tháng giêng

[nếu bảo là do chữ *chính* của Tàu mà ra, thì tại sao không nói là *giêng trị, giêng quyền, giêng sách* [sic] v..v.. mà lại nói chính trị, chính quyền, chính sách] ?

XUÔNG [bone][os]

một tiếng rất hay nói : [bộ -, - xóc, - xấu, gãy - v..v...] mà ông Lê ngọc Trụ gán cho nó một âm hưởng Hán Việt là khang [sic], trong khi hàng chục đồng nguyên của hàng chục ngôn ngữ anh em với tiếng Việt dưới đây, cho thấy quá rõ nó nguồn gốc từ đâu.

Mường : xang

Nùng : xang

Khmer : x-urang

Aslian [bên Malaysia] : xuong

Hmong/Mèo : x-âng

Bahnar : x-ang, k-xang

Sedang : k-siang, k-xiang

Katu, Bru : ng-ang

Rengao : k-xâng

Mdrah, Didrah, Todrah [gần Kontum] : k-xeng

Palaung/Wa : x-ang

Mundari, Santali [đông bắc Ấn độ] : xang, zang, jang

[hàng chục sắc dân này đâu có dính dáng gì đến Tàu đâu, họ đều phát âm như Việt vậy].

GẤP [hurried, hasty, urgent][urgent, en hâte, hâtif]

Malay: gapah

Thái : khu-ấp (âm : khấp)

k-kấp k-kap = *gấp gấp !*

hu-ấp háp = id

h-ngộp h-ngap = id

Khmer : hi-ấp

Saora [dòng Munda] : s-gấp

Lào : hấp / rấp

hấp rịp = gấp và rộn rịp!

hấp pày = đi gấp

Chàm : h-gấp = gấp, vôi.

[cả vùng ngôn ngữ Đông nam Á mấy trăm triệu người cũng nói vậy, đâu phải chỉ là vấn đề riêng giữa Việt và Tàu đâu ? mà bảo là gốc Tàu !].

GIÈNG [- môi]

English : established customs, habits, patterns of transaction, business or ways of life.

Francais : coutumes, habitudes de vie, pratiques de transactions.

Một chữ nghe âm hưởng rất là Việt và có vẻ quê mùa, vậy mà dính gốc với Thái Lào thuần ròn và đúng điệu !

Thái : yiêng, ji êng = kiểu cách, cách thức đường lối.

Khmer : riêng = hình thức, kiểu mẫu, mô hình.

Lào : yiêng = sự sắp xếp, xếp đặt, dàn xếp.

[chữ giềng tự nó đã có nguồn gốc rõ ràng, cần gì phải gượng ép bắt nó dính líu vào chữ **ương** của Tàu ?].

TẾT [ngày -, ăn -, pháo -, chúc -, lễ -, hội -, mừng -, đi -, biểu -, quà -, sắm - // - nhất, - ta, - tây v... v...]

Tết là ngày hội hè đầu năm

Eng : lunar new year festival, celebration, holidays.

Fr : nouvel an oriental, du calendrier lunaire.

Một tiếng « nhức nhối » về ý nghĩa, các ông Hán Việt cho là nó đọc trệ cái âm của Tàu là **Tiết** [season, time, climate change...]

Từ điển Huỳnh tịnh Paulus Của : **tiết đầu năm** [sic].

Từ điển Khai Trí Tiến Đức : không hề cho rằng **tết là tiết** .

Từ điển của Al de Rhodes : có nhắc đến những từ ngữ : tết năm, tết ai, ăn tết.

Nhưng coi chừng, cả mấy chục ngôn ngữ ở Đông nam Á không dính dáng gì đến Tàu, cũng nói như vậy ! coi chừng bé cái lắm. Sự thực cái lắm này không bé tí nào, nó lắm lắm và lắm lắm đã hơn hai ngàn năm nay rồi, hãy xem xét trong các ngôn ngữ sau đây :

Nùng : Tét = Tết

niền Tét = năm Tét

Chàm : băng Tít = ăn Tết [băng là ăn]

Tít = Tết [lễ tháng năm của lịch Chàm]

Bùlăn : Chết = tháng Tết

Khmer: Chêtr = lễ tháng năm [lịch xưa của Khmer], tháng gió mùa bắt đầu thổi ngược lại, tháng của mùa gió nồm ở Đông nam Á, tháng của mùa mưa đến trên lục địa Ấn và miền ĐNÁ. [Tùy theo vị trí từng nước, mưa đến với gió mùa từ cuối tháng tư đến cuối tháng năm] = tên tháng 4 và 5 của lịch Ấn xưa.

Khae Chết = tháng tết [tháng 4 dương lịch] [khae là tháng]. Tháng Tết Khmer khoảng 13 tháng tư dương lịch, khoảng 23 tháng ba âm lịch.

Chết khal = thời gian có lễ Tết ấy [khal là thời gian, lúc, khi]

Thái : Thét

thét khal = mùa tết, những ngày tết. [annual Thét celebration / new year propitious ritual]

thét Thày = tết Thái / Thái new year ritual celebration.

trêts = tết [từ điển Francais -Thái của Pallegoix]

trêts chèn = Chinese new year [chèn là Tàu]

chêtr = fifth lunar month [mid April]

trôts = lễ hội đầu mùa mưa của lịch Thái xưa, cuối April-May

trôts farăng dịch là Tết hoa lang [western new year]

chú ý: *farăng* = *Hoa lang* = occidental, western

Zhuang : Sit = Tết của người Zhuang bên Quảng Tây, một bộ tộc thuộc dòng Tai, họ đông đến 25 triệu người, nói tiếng thái xưa.

đươn sít = tháng tết [yearly monsoon festival ritual celebration]

Mon : K-têh = first days of Mon new year

Nepal : Teej [Teetj Brata] = lễ đầu năm của người Nepal [theo báo Người Việt Oct 9, 1992/ số báo 305]

Mustang : Tij, tiji = ngày lễ mùa mưa đến [xứ Mustang ở sát với Nepal]

Đông Bắc Ấn độ : Teej = monsoon festival [theo National geographic thì : swinging in celebration, village girls sing the ancient melodies of Teej , the festival marking the return of the monsoon and the promise of prosperity].

Sau cùng , cái cú **dứt điểm** [knock out punch] chấm dứt cái quan niệm sai lầm 2 100 năm hơn của chúng ta là cái cú [coup] này :

Chính Không Tử cũng không hề nói **tết** là do **tiết** mà ra ! Ông nói rằng :

...’ ta không biết tết là gì ! nghe đâu đó là tên của một ngày lễ hội lớn của bọn người Man[sic] họ nhảy múa như điên, uống rượu và ăn chơi vào những ngày đó mà không phải là những ngày đầu năm của chúng ta. Nghe đâu họ gọi là Tề-xạ 祭蜡 [sic] / [theo kinh Lễ ký].

Nếu Không Tử nghĩ rằng tiết sinh ra tết, sao lại còn đi phiên âm một cách khá vụng về là Tề-sạ làm gì ? Chữ tiết của Tàu dù là đời Không Tử đi nữa làm sao mà “trẹ” cái âm thành ra “tề-sạ” được ? Bởi vì ông không nghĩ như thế !

Rồi không lẽ ông **không nghĩ như thế** mà ta lại cứ khur khur bo bo mà suy nghĩ như thế làm gì nhỉ, hơn nữa **có cả chục ngôn ngữ khác chẳng ăn thua gì đến tiếng Tàu mà cũng lại nói trại trại trẹ trẹ Tết, y như ở trên làm ta phải suy nghĩ lại về cái hiểu lầm “tết = tiết”.**

CHÀI [kê -, ông -, người -, bạn -, tay -, thuyền -, đi -, làm nghề -, thả -, kéo -, đan -, quăng -, cất -, dỡ -, kéo -, vạ -, làng - // - lưới, - cá // chóp -, nắm chóp -].

~ chài là cái lưới cái rờ, cái đồ đánh cá, dụng cụ để bắt cá

~ chài là tung ra, rải ra, quăng ra, vớt ra, ném ra, lia ra, liệng ra, làm cho bung ra

~ chài [nghĩa bóng] là quỵên rũ, dụ dỗ, mê hoặc, nhử cho ai bị mắc bẫy, mắc lưới, vào tròng [chài gái, chài yếm, đi chài kẻ khờ khạo]

Eng : fish net, fish trap / to throw a fish net, to set a fish trap / to trap, to entrap, to lure into entrapment, to catch with a snare, to ensnare.

Fr : filet de pêche, épervier, tramail, carrelet de pêche / jeter l'épervier / jeter un sort, envouter, captiver qq par des paroles douceureuses.

Pali/Sanskrit/Thái : chal = cái chài [lưới, rờ]

Lào : chal = cái chơm tre để chơm cá

Chàm : chal = cái chài, lưới cá, rờ cá

thrah chal = *thả* lưới, *thả* rờ để bắt cá

Indonesia : jala = cái chài [lưới, rờ, dụng cụ bắt cá]

mata jala = mắt lưới

chjala = cho vào lưới, làm cho mắc bẫy, gài bẫy

chú ý: nghĩa bóng cũng giống nhau giữa tiếng Indonesia và Việt !

Bấy nhiêu cũng đủ đánh gục cái quan điểm hời hợt giả tạo là tiếng Tàu tiếng Việt một lò mà ra [sic].

Ông ấy lại còn viết : « *trong sự truy nguyên, còn xét những tiếng gần với tiếng Mường Chàm Thái Khmer, Mã lai; công việc này ngoài phạm vi chính tả của chúng tôi* » [sic].

Vậy hóa ra ông làm như thể là những tiếng đó không có chính tả, **muốn viết sao thì viết à ?**

Tại sao ông ấy lại cứ phải né tránh, mà chỉ muốn truy nguyên riêng cho Hán Việt ?

Đã gọi là truy nguyên mà cứ nhè một người / đối tượng mà truy thôi, hèn gì mà đối tượng đó lãnh đủ ! Có bao nhiêu tiếng Việt, ông đều quy cho là tại tiếng Tàu mà sinh ra cả !

Cũng tội nghiệp cho tiếng Tàu, ai ăn đầu mà mình phải chịu trận.

Vậy thì **chân tay** ở đâu mà sinh ra, không lẽ do **thủ túc** mà sinh ra ?

mặt mũi, mắt ở đâu mà sinh ra, không lẽ lại bảo là **ngoài phạm vi chính tả** của ông ?

Tệ hơn nữa là gần đây, ông Nguyễn Phương, giáo sư Đại học Huế trước 1963, còn viết:
« ... người Việt chẳng qua là người Tàu [sic] mà tràn xuống sinh sống ở vùng quanh châu thổ sông Hồng hiện nay, rồi khi đủ điều kiện thuận tiện [sic] thì trở thành người Việt... » ! [xin miễn phê bình].

« ...tiếng Việt chẳng qua là tiếng Tàu xen lẫn một vài tiếng Mường tiếng Mọi mà thôi {sic}...vì chẳng qua gặp dịp có thêm một vài tiếng để mà tiện nói chuyện hay buôn bán với họ ...» [sic] [miễn phê bình luôn vì nhận xét ấy quá kì !] ».

Hết trích. (Hơi dài, nhưng tôi phải trích ra cho hết ý).

Vậy theo tôi, Giáo Sư Lê Ngọc Trụ đã lầm chăng ? Vì đã biết đến ba chữ « Phu-Thê Bính » nên có xu hướng cho Bánh Su-Sê là do Phu-Thê Bính đọc trại ?

Phu-Thê Bính của Tàu và **Bánh Su-Sê** khác nhau rất xa về hình dạng cũng như nguyên liệu. Phu Thê Bính là loại bánh nướng làm bằng bột mì, không gói lại hay gói bằng giấy dầu có màu sắc, phần nhiều là hai cái một (từng cặp một), hay có khi cả năm bảy cái lại với nhau. Tôi có người bạn, lúc trước ở Sài Gòn, vào khoảng những năm 1965, nói rằng người Tàu, ở Chợ Lớn, làm loại bánh này trong những dịp có đám cưới. Xin xem trang mạng «www.wretch/blog/claيرهsiao », đã trình ở phần 1 trên.

Ngoài ra ở Thái Lan, có loại bánh tựa tựa như bánh Su-Sê, cũng làm bằng bột nếp, nước dừa, dừa nạo, gói bằng lá chuối, và được hấp lên, có tên là Khanom Sod-Sai/Sord-Sai (ขนมสอดไส้). Khanom hay Kanom nghĩa là bánh (xem Salee Thai Food Recipe, trên mạng).

Nếu hai chữ « Su-Sê » là do tiếng ngoại quốc đọc trại thì hai chữ « Sod Sai » (đọc là xô xô) gần với hai chữ « Su Sê » hơn là hai chữ « Phu Thê ». Còn nguyên liệu thì hai loại bánh Sod-Sai và Su-Sê cũng gần gần giống nhau, trong khi Phu-Thê Bính là loại bánh nướng làm bằng bột mì, không có dừa. Tôi chỉ nêu ra, chứ không khẳng định hai chữ « Su Sê » là do hai chữ « Sod Sai » mà ra gì hết.

Trong phần 1 của bài này, tôi đã cố gắng chứng minh, trên phương diện Ca Dao, Tục Ngữ, Phong Tục xưa, Từ/Tự Điển chữ Nôm xưa, ba chữ « bánh Su-Sê » **có trước** ba chữ « bánh Phu-Thê » trong dân gian. Trong phần này, tôi đã đưa ra lời Tựa của cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* và trích bài *Những cái bất ngờ lý thú trong khi tìm hiểu tiếng Việt và nguồn gốc Nam-Á* để nói ra sự **lầm lẫn**, có thể có, rất trầm trọng của GS. Lê Ngọc Trụ, để kết luận rằng :

Hai chữ « Su-Sê » không do hai chữ « Phu-Thê » mà ra.

Có thể, có loại bánh « Phu-Thê », nhưng loại bánh này chỉ mới đặt ra sau này, và có lẽ, ở Huế, là sau nền Đệ Nhất Cộng Hòa Miền Nam. Và nếu có, thì hình dạng và nguyên liệu hai thứ bánh đó cũng không giống nhau (xem ĐĐTĐTV ở phần 1).

Những trang mạng trên và những Từ/Tự Điển mới làm sau này, e bị cuốn *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* (1959) chi phối. Nếu quả thật là GS. Lê Ngọc Trụ đã lầm, và như đã trình bày trên, GS. Lê Ngọc Trụ có thể lầm lẫn, thì mấy cuốn Từ/Tự Điển mới làm sau này sẽ gây tai hại rất nhiều cho văn học, cho hậu thế. Làm Từ/Tự Điển phải hết sức cẩn trọng, phải khảo cứu tường tận, nếu có nghi ngờ thì phải nói thẳng ra, chứ đừng cắm đầu vào sự biên chép sách này vở nọ, tùy tiện giải thích, mà gây tai hại rất lớn cho Văn Học, cho Giới Trẻ, cho Hậu Thế sau này.

Sau một thời gian, nhất là ở ngoài Bắc, một số người Việt hay tránh chữ Hán để gọi những sự vật bằng tiếng Việt, như « máy bay lên thẳng » (trục thẳng), « tên lửa » (hỏa tiễn)..., thì từ khoảng 1990 cho đến ngày nay, một số người Việt lại muốn « Nói Chữ (Hán) », như « bài giảng » được thay bằng « giáo trình » ; « mau mắn », « lệ làng » hoặc « căng thẳng » (tùy nghĩa trong câu) được thay bằng « khẩn trương »....

Theo Lê Hữu trong *Ngôn Ngữ Ngậm Ngùi*, « Các ví dụ trên cũng cho thấy một điều hơi lạ, người Việt trong nước, một mặt có xu hướng thuần-Việt-hóa các từ ngữ Hán-Việt, một mặt lại **sính** dùng các từ ngữ này. Có vẻ như đối với những gì “trân quý” hoặc muốn “phô trương thanh thế” thì họ chuộng sử dụng tiếng Hán-Việt, hoặc giữ nguyên tên Hán-Việt chứ không muốn đổi sang tiếng thuần Việt. »...

Vì thế mà **tôi ngờ** là có người muốn « **Nói Chữ** », cho ra vẻ có « chữ nghĩa », cho ra vẻ « trí thức », nên mới viết « nguyên xưa là bánh " Phu thê ", một số địa phương nói chệch thành bánh " Su sê " ». Những người đó khẳng định như thế, nhưng không đưa ra một dẫn chứng văn học sử nào cả.

Nếu muốn « Nói Chữ » mà không cho xuất xứ, thì rồi đây, cũng có thể, có người sẽ cho hai chữ « Cơm Hên » là do hai chữ « Cao Hứng 高興 » mà ra, vì « Cơm Hên » là một món ăn rất hứng thú cao thượng..., và cứ như thế, mà thêu dệt, nào là triết lý, là phong tục, là lễ nghi, là vua chúa..., cho sát với chữ Tàu chẳng ?

Kính mong độc giả cho ý kiến.

Nguyễn Vĩnh-Tráng.

Mùa Hè năm Con Mèo.

309 082 011 nvt*ttl*

Mùa Lập Đông năm Con Chó.

306 112 018 nvt*ttl*



Bánh Su-Sê ở Huế (jpeg)